TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2022
V/v: Ly hôn giữa chị N và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Hà, ông Đặng Minh Khôi.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà*:* Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp " Ly hôn, con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2022,và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST – HNGĐ ngày 27/5/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị N**,** sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Định Biên, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Bảo Lộc 2, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/02/2022 và trong các lời khai chị Ma Thị N là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh Dương Văn T năm 2019 trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Sơn cưới xong anh chị về chung sống với nhau ở thôn Bảo Lộc, xã Bảo Sơn ngay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi vã không hòa thuận đánh chửi nhau nhiều lần chị đã đưa con về mẹ đẻ ở trên Thái Nguyên. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 1 con chung Dương A, sinh ngày 11/7/2019 chị đề nghị được nuôi con vì con chị chưa đủ 36 tháng tuổi. Cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị hiện nay đang làm công nhân thu nhập khoảng 14 triệu đồng/ tháng có đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay con chung đang ở với chị cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Văn T trình bày trong bản tự khai: Việc chị Hòa trình bày với Tòa án về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống gây căng thẳng trong gi đình. Nay chị N yêu cầu được ly hôn anh không nhất trí ly hôn. Trường hợp sâu nhất nếu chị N nhất quyết ly hôn anh nhất trí. Tại phiên tòa hôm nay anh T trình bày chị N đề nghị ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đề nghị được nuôi con Dương A, sinh ngày 11/7/2019. Không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Anh hiện nay đang làm kỹ thuật viên cấp cao tại công ty Sam sung thu nhập khoảng 20 triệu đồng/ tháng có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều Điều 147; Điều 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị N và anh Dương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi con Dương A, sinh ngày 11/7/2019. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con chung, không được cản trở anh thực hiện quyền này.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của chị Ma Thị N và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Anh T bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Các đương sự đều có mặt HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Chị Ma Thị N kết hôn với anh Dương Văn T năm 2019 trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bảo Sơn cưới xong anh chị về chung sống với nhau ở thôn Bảo Lộc, xã Bảo Sơn ngay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không hòa thuận đánh chửi nhau nhiều lần chị N đã đưa con về mẹ đẻ ở trên Thái Nguyên. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ý kiến của anh T thừa nhận có mâu thuẫn và anh nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy cần công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị N anh T có 01 con chung Dương A, sinh ngày 11/7/2019. Nay ly hôn cả phía chị N và anh T đều đề nghị được nuôi con nhưng HĐXX xét thấy cháu Dương A chưa đủ 36 tháng tuổi nên HĐXX quyết định giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi con là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật. Chị N không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con chung, không được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Chị N anh T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ma Thị N và anh Dương Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi con Dương A, sinh ngày 11/7/2019. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom con chung, không được cản trở anh thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Ma Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 14/02/2022 theo biên lai thu số 0013527. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã Bảo Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự